TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2022
V/v ly hôn giữa bà T và ông C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Diêm Đăng Hoạt.
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXX-ST ngày 8 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Bắc Giang, có mặt

Bị đơn: Ông Bùi Thế C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Trần Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Bùi Thế C ngày 12/02/2019, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ông C có lần còn đánh chửi bà, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết cho bà và ông C được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019, hiện tại cháu Duy A đang do bà nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, ông C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung bà không nhất trí, bà đủ điều kiện nuôi con ăn học và không yêu cầu ông C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng có tài sản chung, nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn ông Bùi Thế C trình bày: Ông kết hôn với bà Trần Thị T ngày 12/02/2019, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ khoảng tháng 4/2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra bà T có mối quan hệ với người đàn ông khác, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021. Nay bà T xin được ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, ông nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019, hiện tại cháu Duy A đang do bà T nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung ông không nhất trí, ông cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, ông đủ điều kiện nuôi con ăn học và không yêu

cầu bà T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Ông xác định vợ chồng có tài sản chung, nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên toà bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và anh ông Bùi Thế C được ly hôn, bà đề nghị được nuôi dưỡng con chung, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Bùi Thế C nhất trí với ý kiến bà T về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết về tài sản vợ chồng. Ông đề nghị Tòa án giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, bà T nhận nuôi con chung ông không nhất trí.

Đại diệnViện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn bà Trần Thị T và nguyên đơn ông Bùi Thế C thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C.

Về con chung: Giao bà Trần Thị T nuôi dưỡng cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình giữa bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C, ông C có địa chỉ xã N, huyện T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn ông Bùi Thế C và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C kết hôn ngày 12/02/2019 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Bà T và ông C xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4/2021, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Bà T xác định ông C thường xuyên rượu chè không quan tâm đến vợ con, ông C cho rằng bà T có người đàn ông khác nên vợ chồng hay xảy ra đánh cãi chửi nhau, đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ tháng 6/2021. Nay bà T và ông C đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông C đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không

còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông C là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C có 01 con chung là cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019, bà T và ông C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa Tòa bà T và ông C đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy con chung của bà T và ông C đã được hơn 39 tháng tuổi, cả bà T và ông C đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy cháu Duy A đến ngày xét xử mới được 03 tuổi 03 tháng 08 ngày và hiện vẫn đang do bà T nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, nhận thấy cần giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà T và ông C đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Bà T và ông C đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận chia xong, hai bên không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Bùi Thế C.

[2] Về con chung: Giao bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Duy A, sinh ngày 5/4/2019, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông C có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của ông C.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà T đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0011690 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *UBND xã Ngọc Vân;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Biên